

Số: 16/2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 2613/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 172/BC-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận, thống nhất, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh:

a) Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

b) Thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Đối với các mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh áp dụng bằng 100% mức chi theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại tiêu điểm a3 điểm a khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP được áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại Nghị quyết này.

3. Các nội dung và mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán chi, định mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Chi tiền thù lao Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển.

Chi hợp Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/người/hội đồng; Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên (ủy viên) Hội đồng: 1.500.000 đồng/người/hội đồng; Thư ký khoa học: 300.000 đồng/người/hội đồng; Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người/hội đồng; Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng/người/hội đồng.

Chi nhận xét đánh giá: Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng: 700.000 đồng/người/phiếu nhận xét; Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện: 1.000.000 đồng/người/phiếu nhận xét.

Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện: Chủ tịch Hội đồng: 700.000 đồng/người/nhiệm vụ; Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng: 500.000 đồng/người/nhiệm vụ.

b) Chi tiền thù lao Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Chi hợp Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng: 1.500.000 đồng/người/hội đồng; Phó Chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/hội đồng; Thư ký khoa học: 300.000 đồng/người/hội đồng; Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người/hội đồng; Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng/người/hội đồng.

Chi nhận xét đánh giá: Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng: 500.000 đồng/người/phiếu nhận xét; Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện: 700.000 đồng/người/phiếu nhận xét.

c) Chi tiền thù lao Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chi hợp Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/người/hội đồng; Phó Chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng: 1.500.000 đồng/người/hội đồng; Thư ký khoa học: 300.000 đồng/người/hội đồng; Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người/hội đồng; Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng/người/hội đồng.

Chi nhận xét đánh giá: Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng: 700.000 đồng/người/phiếu nhận xét; Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện: 1.000.000 đồng/người/phiếu nhận xét.

d) Chi tiền thù lao Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược.

Chi hợp Hội đồng: Chi cho Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng, Thư ký khoa học, Thư ký hành chính: theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

Chi nhận xét đánh giá: Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/phiếu nhận xét.

đ) Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia: 1.500.000 đồng/người.

e) Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh được áp dụng bằng 150% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh được áp dụng theo số công lao động dự kiến để thực hiện thẩm định và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

g) Chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi tiền thù lao tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Tổ trưởng tổ thẩm định: 1.000.000 đồng/người/nhiệm vụ;

b) Thành viên tổ thẩm định: 700.000 đồng/người/nhiệm vụ;

c) Thư ký hành chính: 300.000 đồng/người/nhiệm vụ;

d) Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng/người/nhiệm vụ.

3. Chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,

các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này.

c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này.

4. Chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.000.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 700.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 5.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

5. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh có thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình: mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

6. Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

7. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV; các chi phí

cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND và khoản 4 Điều này.

d) Các nội dung chi khác theo các điểm d, đ, e khoản 8 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Chương III

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ; HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng là 70 triệu đồng/người/tháng. Đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 5. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán được xây dựng trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 189/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước; Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

2. Phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc theo quy định tại Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND.

Điều 7. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 8. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Hỗ trợ 100% nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

b) Hỗ trợ 100% nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

2. Hỗ trợ 100% nhưng không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia đối với kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương (dự toán hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng mức chi quản lý, chi thực hiện nhiệm vụ theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết,

đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng và nội dung chính sách. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát, thẩm định, thẩm tra, tổ chức thực hiện; kiểm soát rủi ro chính sách, bảo đảm quản lý chặt chẽ, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi, thất thoát ngân sách nhà nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 85/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn cấp tỉnh; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2025 - 2030 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

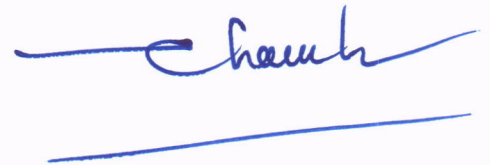
4. Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức lập dự toán và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, UVVHXH.

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh